

Bản án số 26/2023/DS-PT

Ngày: 30/5/2023

V/v tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Quý Sửu và bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/QĐPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tổ 3, phường TL, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố KU, phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà U: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1978 (văn bản uỷ quyền ngày 29/5/2023, bà N có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ dân phố KU, phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3.2. Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐH1, huyện SS , thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên toà).

3.3. Ông Trần Văn S, sinh năm 1952 (đã chết 2016)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S:

3.4. Bà Nguyễn Thị S1 (vợ ông S), sinh năm 1963;

3.5. Anh Trần Văn Q (con đẻ ông S), sinh năm 1987;

3.6. Anh Trần Văn T (con đẻ ông S), sinh năm 1998;

Đều trú tại: Tổ dân phố KU , phường PC , thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên (bà S1, anh Q có mặt tại phiên toà, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.7. UBND phường PC, thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Thanh G, chủ tịch UBND phường PC .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn M, Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường PC (văn bản ủy quyền số 208/QĐ-UBND ngày 23/12/2022, ông Minh có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Những người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị M1, sinh năm 1959;

2. Bà Cổ Thị P, sinh năm 1956;

Đều cùng địa chỉ: Tổ dân phố KU, phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Thanh B trình bày: Bố mẹ đẻ ông là cụ Trần Văn Q1 và cụ Nguyễn Thị P1 có 05 người con: Trần Thị V, sinh năm 1948; Trần Văn S sinh năm 1952 (chết năm 2016). Trần Ngọc L, sinh năm 1954; Trần Thanh B, sinh năm 1958; Trần Thị U, sinh năm 1964; Cụ Q1 chết năm 1997, cụ P1 chết năm 2002 không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của ông S là bà Nguyễn Thị S1 vợ ông S và 02 con đẻ là anh Trần Văn Q; anh Trần Văn T .

Cụ Q1 và cụ P1 có để lại một khối di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 diện tích 40m² xây dựng năm 1980 trên đất thổ cư có diện tích 3.536m² đất theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC) giữa cụ Nguyễn Thị P1 và ông Trần Văn S. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) vào ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 với diện tích 7003m², trong đó đất thổ cư là 4.804m² (300m² đất ở, 4.504 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc phường TL (nay là phường PC), thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này gia đình chưa cấp đổi theo Quyết định công nhận sự

thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC nên diện tích đất thổ cư trên thực tế không đúng với Giấy chứng nhận đã được cấp.

Ngày 15/12/1999 khi cụ P1 còn sống có nhờ ông B viết một đơn xin chuyển quyền thừa kế tài sản với nội dung để lại 3.536m² đất thổ cư cùng tài sản gồm 03 gian nhà cấp 4 và 01 bếp nấu cùng một số vật dụng sinh hoạt cho bà U quản lý sử dụng. Chữ viết và chữ ký của ông B, chữ ký của cụ Nguyễn Thị P1 là đúng còn chữ ký của ông L, bà V thì không phải do ông L, bà V ký, chữ ký của bà U thì ông B không biết. Đơn viết hộ nhưng không có người làm chứng là không hợp pháp.

Ngày 12/6/2019 các đồng thừa kế của Cụ Q1 và cụ P1 gồm: Bà S1, anh T, anh Q (là những người thừa kế của ông S) có đến UBND phường PC lập văn bản phân chia tài sản thừa kế. Trong đó thỏa thuận giao cho bà U được toàn quyền sử dụng và thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích các thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC), tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 (phần đất thổ cư có diện tích 3.536m² theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC)). Văn bản này đã được UBND phường PC chứng thực. Tuy nhiên trước khi ký văn bản phân chia thừa kế trên thì bà U có nói sẽ trả cho ông một nửa đất thổ cư nên ông mới ký văn bản. Hai bên có lập biên bản thỏa thuận có xác nhận của tổ trưởng là bà Đặng Thị M1, sau đó vì tin tưởng bà U nên ông đưa cho bà U giữ giấy tờ này, hiện nay không xuất trình được. Nhưng sau đó bà U không đồng ý chia đất nên ông B không đồng ý để bà U được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC; phân chia di sản thừa kế của Cụ Q1 và cụ P1 theo pháp luật đối với 3.536m² đất thổ cư, còn lại những thửa đất khác trong Giấy chứng nhận ông không yêu cầu chia mà để cho bà U được quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Trần Thị U trình bày: Bà xác định bố mẹ bà và những người thuộc hàng thừa kế như ông B trình bày là đúng. Bố mẹ bà trước khi chết có để lại một khối di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 diện tích 40m² xây dựng năm 1980 xây trên diện tích đất có tranh chấp giữa ông S và cụ P1. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC) giữa cụ Nguyễn Thị P1 và ông Trần Văn S, cụ P1 được quản lý, sử dụng 3.536m² đất thổ cư.

Ngôi nhà cũ đã đổ hỏng, năm 1995 bà đã tự xây dựng một căn nhà cấp 4 hiện nay bà vẫn đang ở, nằm trên diện tích 3.536m² đất thổ cư tại thửa đất số 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc phường TL (nay là phường PC), thị xã SC (nay là

thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình chưa cấp đổi theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC nên diện tích đất thổ cư trên thực tế không đúng với Giấy chứng nhận đã được cấp.

Nguồn gốc đất do bố mẹ bà là Cụ Q1 và cụ P1 khai phá năm 1968 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1991 bố mẹ bà đồng ý cho bà được kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà được UBND thị xã SC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 7.003m². Năm 1994 cụ P1 làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà sang tên cụ P1, bà không được biết. Cùng năm đó mẹ bà đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị P1 cho bà xem thì bà mới biết. Thời điểm đó đến nay bà cũng không có ý kiến gì.

Ngày 15/12/1999 khi mẹ bà (cụ P1) còn sống có gọi các con đến để lập bản di chúc. Ông B là người trực tiếp viết bản di chúc, có chữ ký của ông B, bà V, ông L, có xác nhận của chính quyền địa phương nội dung đơn xin chuyển quyền thừa kế tài sản, cụ P1 đồng ý để lại 3.536m² đất và tài sản gồm 3 gian nhà cấp 4 và 01 bếp nấu cho bà được quản lý, sử dụng. Bà quản lý sử dụng đất từ năm 1991 đến nay.

Ngày 12/6/2019 có bốn anh em ruột gồm: Bà, ông B, bà V, ông L và vợ con ông S đến UBND phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên lập văn bản phân chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại. Nội dung văn bản thừa kế để lại toàn bộ di sản của bố mẹ để lại cho bà quản lý, sử dụng; trong đó phần đất thổ cư có diện tích 3.536m² theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC). Năm 2020 bà đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố SC để làm thủ tục sang tên thì ông B có đơn yêu cầu tạm dừng nên không tiến hành làm thủ tục được.

Nay ông B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC và buộc bà phải chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 3.536m² đất thổ cư theo pháp luật, bà không nhất trí. Đề nghị phân chia di sản thừa kế theo văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà V nhất trí với nguyên đơn, bị đơn về những người thuộc hàng thừa kế của cụ Trần Văn Q1 và cụ Nguyễn Thị P1. Bố mẹ bà mất có để lại di sản thừa kế là diện tích 3.536m² đất thổ cư theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC) giữa cụ Nguyễn Thị P1 và ông Trần Văn S. Đất đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) cấp ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 đối thừa đất số 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc phường TL (nay là phường PC). Về đơn xin chuyển quyền thừa kế tài sản ngày 15/12/1999 như bà U, ông B trình bày bà không được biết và không được ký vào bản di chúc nào cả. Bà chỉ được ký văn bản phân chia thừa kế ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC. Trước khi lên phường ký giấy tờ bà U có nói bà phải ký giấy tờ phân chia thừa kế cho bà U thì bà U mới trả một nửa đất thổ cư cho ông B. Việc bà U hứa chia đất cho ông B không lập thành biên bản mà các anh chị em chỉ nói miệng với nhau. Sau khi lập văn bản thừa kế di sản xong bà U không thực hiện việc tách chia cho ông B và cho rằng đó là đất của riêng bà nên ông B có đơn khởi kiện ra Tòa án. Do đó bà không đồng ý với văn bản phân chia thừa kế đã ký ở UBND phường PC. Nay ông B có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC và chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 3.536 m² đất thổ cư theo pháp luật bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B. Đối với phần được chia di sản thừa kế của bà, bà từ chối nhận mà giao cho ông B quản lý, sử dụng. Đối với những thửa đất khác bà cũng đồng ý cho bà U quản lý sử dụng.

- Ông Trần Ngọc L nhất trí với hàng thừa kế, nguồn gốc di sản thừa kế mà ông B, bà U, bà V đã trình bày. Về đơn xin chuyển quyền thừa kế tài sản ngày 15/12/1999 như bà U, ông B trình bày ông không được biết và không được ký vào bản di chúc nào cả. Ông chỉ được ký văn bản phân chia thừa kế ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC. Trước khi lên phường ký giấy tờ bà U nói với ông là sẽ chia một nửa đất thổ cư cho ông B nên ông mới đồng ý ký. Nay ông B có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC và chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 3.536m² đất thổ cư theo pháp luật ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông B. Đối với phần được chia di sản thừa kế của ông, ông từ chối nhận mà giao cho ông B quản lý, sử dụng. Đối với những thửa đất khác ông cũng đồng ý cho bà U quản lý sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà là con dâu cụ P1 và cụ Q1 là vợ ông S nhất trí với hàng thừa kế mà ông B, bà U, bà V, ông L đã trình bày. Bố mẹ chồng bà mất để có để lại di sản thừa kế là 3.536m² đất thổ cư theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC) giữa cụ Nguyễn Thị P1 và ông Trần Văn S. Trên đất có 01 nhà cấp 4 gồm 3 gian do bà U xây dựng năm 1995. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 đối thừa đất số 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc phường TL (nay là phường PC), thị xã

SC (nay là thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên. Trước đó năm 1991 bà U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên, sau đó bà U đi lấy chồng thì năm 1994 mẹ chồng bà là cụ P1 đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên Nguyễn Thị P1. Việc lập di chúc ngày 15/12/1999 vợ chồng bà không được biết. Đến năm 2015 thì bà U mới đưa di chúc của mẹ chồng bà ra thì vợ chồng bà mới biết. Ngày 12/6/2019 bà cùng với hai con là Q và T cùng với ông B, ông L, bà V, bà U đến UBND phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên lập văn bản phân chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại. Nội dung văn bản thừa kế để lại toàn bộ di sản của bố mẹ cho bà U quản lý, sử dụng bao gồm 3.536m² đất thổ cư theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14 ngày 24/7/1999 của TAND thành phố SC giữa cụ Nguyễn Thị P1 và ông Trần Văn S. Sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự gia đình bà đã đi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/7/2020 bà được Sở tài Nguyên và Môi trường tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị S1 đối với 3.652m² đất (400m² đất ở; 3.252m² đất trồng cây lâu năm). Hiện nay gia đình bà và đất mang tên cụ P1 không còn tranh chấp gì với nhau nữa. Nay ông B có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC và chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 3.536m² đất thổ cư theo pháp luật, bà không nhất trí. Nếu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì bà từ chối nhận phần di sản thừa kế mà bà được hưởng, bà để lại cho bà U được quản lý, sử dụng.

- Anh Trần Văn Q, Trần Văn T trình bày: Các anh là con đẻ của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị S1 (ông S chết năm 2016). Các anh đề nghị Tòa án giải quyết theo bản phân chia di sản thừa kế đã lập tại UBND phường PC. Các anh không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông B. Nếu Tòa án chia di sản theo pháp luật các anh từ chối nhận di sản, phần được hưởng các anh đề nghị Tòa án giao lại cho bà U được quản lý, sử dụng.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường PC trình bày: Ngày 12/06/2019 các đồng thừa kế của cụ Trần Văn Q1 và cụ Nguyễn Thị P1 gồm: bà Trần Thị V; ông Trần Ngọc L; ông Trần Thanh B; bà Trần Thị U; bà Nguyễn Thị S1; anh Trần Văn Q, anh Trần Văn T (là người thừa kế của ông Trần Văn S) là con đẻ của Cụ Q1, cụ P1 đến UBND phường PC đề nghị lập và ký Văn bản phân chia tài sản thừa kế. Các đồng thừa kế của Cụ Q1 và cụ P1 hoàn toàn minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, đã tự nguyện cùng ký vào văn bản phân chia tài sản thừa kế trước mặt người thực hiện chứng thực. Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số 13/2019 do UBND phường PC chứng thực ngày 12/06/2019 là văn bản có hiệu lực pháp luật. Bởi lẽ:

+ Căn cứ pháp lý về thẩm quyền: UBND chứng thực đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 5 của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ “về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch”.

+ Khi tiến hành chứng thực, UBND phường thực hiện đúng về địa điểm chứng thực theo quy định tại Điều 10; Trách nhiệm của người chứng thực được quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 36 về “sự tự nguyện, minh mẫn, nhận thức và làm chủ hành vi của mình” đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Q1 và Nguyễn Thị P1.

Nếu tất cả những người thuộc hàng thừa kế của cụ Trần Văn Q1, cụ Nguyễn Thị P1 đồng ý thỏa thuận bằng văn bản về việc hủy bỏ văn bản số 13 thì UBND phường sẽ hướng dẫn thực hiện việc hủy bỏ như quy định tại Điều 38 của Nghị định 23. Nếu một trong số những người thuộc hàng thừa kế của cụ P1, cụ Q1 không đồng ý thì UBND phường sẽ không thực hiện.

Những người làm chứng khai:

- Bà Đặng Thị M1 khai: Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ có ký vào biên bản thỏa thuận giữa bà U và ông B về việc bà U sẽ chia cho ông B $\frac{1}{2}$ đất thổ cư của bố mẹ để lại hay không.

- Bà Cổ Thị P khai: Vào năm 1999, bà là tổ trưởng xóm K, phường PC. Vào ngày 26/12/1999 cụ P1 có nhờ bà P ký xác nhận 01 đơn xin chuyển quyền thừa kế tài sản viết ngày 15/12/1999. Bà P đồng ý xác nhận nhưng vào thời điểm viết di chúc bà P không được chứng kiến.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố SC đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165, Điều 166, Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 636, Điều 637, Điều 649, Điều 653; Điều 656, Điều 658, Điều 661 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 357, Điều 468; Điều 423, Điều 610; Điều 620; Điều 623; Điều 649, Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 95; Điều 188 của Luật đất đai 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh B về việc đề nghị hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật:

1.1. Hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế giữa bà Trần Thị V, ông Trần Ngọc L, ông Trần Thanh B, bà Trần Thị U, bà Nguyễn Thị S1, anh Trần Văn Q, anh Trần Văn T được lập tại UBND phường PC ngày 12/6/2019, có số chứng thực 13, quyển số 01/2019-SCT/HĐ,GD.

1.2. Bà Trần Thị U được nhận 1.724,28m² đất, trong đó có 194,85m² đất ODT, 1.529.43m² đất CLN cùng toàn bộ cây cối và tài sản trên đất tại thửa 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc tổ dân phố KU, phường PC, thành phố SC, được thể hiện trên bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ Tài Nguyên-Môi trường và xây dựng số 6 thực hiện, đánh dấu bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 36, 35, 34, 33, 32, 30, 31, 29, 28, 25, 26, 27, 1.

1.3. Ông Trần Thanh B được nhận 1.724,27m² đất, trong đó có 105,15 m² đất ODT, 1.619,12m² đất CLN tại thửa 87b, tờ bản đồ 74-III, thuộc tổ dân phố KU, phường PC, thành phố SC, được thể hiện trên bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty Cổ phần Tư vấn dịch vụ Tài Nguyên-Môi trường và xây dựng số 6 thực hiện, đánh dấu bởi các điểm n, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, f, n.

1.4. Bà U có trách nhiệm trích chia cho ông B 26.277.561đ (hai mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5. Bà U có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây cối và tháo dỡ tài sản trên phần đất ông B được chia để trả lại đất cho ông B quản lý sử dụng.

1.6. Bà U có trách nhiệm xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên ngày 22/8/1994 mang tên Nguyễn Thị P1, cùng với ông Trần Thanh B liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

2. Về chi phí tố tụng: Các đương sự đã thực hiện xong.

3. Về án phí: Bà Trần Thị V, ông Trần Ngọc L, bà Nguyễn Thị S1, anh Trần Văn Q, anh Trần Văn T không phải chịu án phí. Ông Trần Thanh B và bà Trần Thị U được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2023 bà Trần Thị U có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông B, công nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 7.003m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thị xã SC cấp ngày 11/02/1991 mang tên bà.

Tại phiên Toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà U đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng đất cho bà U theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Các đương sự đều thống nhất và thừa nhận cụ Trần Văn Q1 và cụ Nguyễn Thị P1 có 05 người con là: Trần Thị V, sinh năm 1948; Trần Văn S sinh năm 1952 (chết năm 2016); Trần Ngọc L, sinh năm 1954; Trần Thanh B, sinh năm 1958; Trần Thị U, sinh năm 1964; Cụ Q1 chết năm 1997, cụ P1 chết năm 2002 không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của ông S là bà Nguyễn Thị S1 vợ ông S và 02 con đẻ của ông S bà S1 là anh Trần Văn Q; anh Trần Văn T .

[2]. Về nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc các thửa đất có tổng diện tích 7.003m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã SC cấp ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 là của Cụ Q1 và cụ P1 khai phá vào năm 1968. Năm 1999, cụ P1 tranh chấp quyền sử dụng đất với con trai là ông Trần Văn S. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/DS ngày 24/7/1999 của Tòa án nhân dân thị xã SC, gia đình ông S được sử dụng diện tích 3.652m² đất, gia đình cụ P1 được sử dụng diện tích 3.536m² đất. Đối với phần đất 3.536m² tại thửa 87b, tờ bản đồ 74-III của gia đình cụ P1 được sử dụng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/DS ngày 24/7/1999 của Tòa án nhân dân thị xã SC nhưng chưa làm thủ tục để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy trên giấy chứng nhận này vẫn thể hiện tổng diện tích là 7.003m². Các đương sự đều công nhận di sản thừa kế của Cụ Q1 và cụ P1 chỉ còn 3.536m² tại thửa 87b, tờ bản đồ 74-III chỉ khác phía ông B là người khởi kiện yêu cầu huỷ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC để chia thừa kế tài sản theo pháp luật, còn bà U thì đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông B vì di sản thừa kế này đã có văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC là hợp pháp và bà là người được toàn quyền quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC có đầy đủ các người con của Cụ Q1 và cụ P1 chỉ có ông S là con của cụ P1 đã chết năm 2016 nhưng những người thừa kế của ông S là bà S1 và 2 con đẻ của ông S cũng đã có mặt. Các đồng thừa kế thống nhất giao cho bà U được toàn quyền sử dụng và thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích các thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06065 do UBND thị xã SC (nay là thành phố SC) tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/8/1994 mang tên cụ Nguyễn Thị P1 (phần đất thổ cư có diện tích 3.536m² theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 24/7/1999 của TAND thị xã SC (nay là thành phố SC) và tài sản trên đất. Như vậy văn bản phân chia tài sản thừa kế

lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC, thành phố SC là hợp pháp có đầy đủ các thành phần tham gia ký vào từng trang của văn bản phân chia tài sản thừa kế, có dấu giáp lai, có sự chứng thực của UBND phường PC, do vậy văn bản này hợp pháp cả về hình thức lẫn nội dung thể hiện ý chí của các bên. Lý do ông B khai rằng các đồng thừa kế, bao gồm cả bà U đã thỏa thuận để bà U đứng tên đối với phần di sản thừa kế, bà U sẽ có trách nhiệm trích chia lại một nửa đất thổ cư cho ông B. Tuy nhiên, sau khi lập xong văn bản phân chia tài sản thừa kế, bà U không đồng ý trích chia cho ông B như thỏa thuận nên ông B mới khởi kiện chia thừa kế, tuy nhiên chỉ là lời khai của ông B, bà V, ông L còn bà U không thừa nhận có thỏa thuận chia $\frac{1}{2}$ thửa đất cho ông B. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình ở cấp sơ thẩm ông B khai có viết giấy bà U hứa sẽ chia $\frac{1}{2}$ thửa đất cho ông nhưng giấy đó thì bà U cầm, còn bà V lại cho rằng vì là anh em trong nhà nên chỉ thỏa thuận miệng mà không làm văn bản phân chia như ông B khai, còn ông L tại phiên tòa phúc thẩm thì ông cho rằng không biết giữa ông B và bà U có thỏa thuận chia $\frac{1}{2}$ thửa đất ấy hay không vì ông sống ở Hà Nội từ lâu nên ông không biết. Giả thiết có việc bà U đồng ý chia cho ông B $\frac{1}{2}$ diện tích ấy thì sao các bên không thể hiện luôn trong văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 12/6/2019 tại UBND phường PC ? Tổng hợp các tài liệu và lời khai của các đương sự như ông B, bà V, ông L thì có đủ căn cứ khẳng định không có việc bà U đồng ý chia $\frac{1}{2}$ đất thổ cư cho ông B như ông B khai. Nếu bà U đi làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất chậm thì bà U có thể bị phạt vi phạm hành chính, không làm thay đổi văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như cấp sơ thẩm nhận định được, do vậy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà U sửa bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố SC .

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà U sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Khoản 1 Điều 309; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị U sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố SC , tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh B về việc đề nghị hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Văn bản phân chia tài sản thừa kế giữa bà Trần Thị V, ông Trần Ngọc L, ông Trần Thanh B, bà Trần Thị U, bà Nguyễn Thị S1, anh Trần Văn Q, anh Trần Văn T được lập tại UBND phường PC ngày 12/6/2019, có số chứng thực 13, quyển số 01/2019-SCT/HĐ,GD có hiệu lực pháp luật.

3. Bà U có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Trần Thị V, ông Trần Ngọc L, bà Nguyễn Thị S1, anh Trần Văn Q, anh Trần Văn T không phải chịu án phí. Ông Trần Thanh B và bà Trần Thị U được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị U được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Sông Công;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- UBND thành phố SC ;
- UBND phường TL;
- UBND phường PC ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Văn Quế

